

TUẦN 3

TIẾT 1:

TẬP ĐỌC LÒNG DÂN (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Hiểu nội dung ý nghĩa: Ca ngợi dì Năm dũng cảm, mưu trí lừa giặc cứu cán bộ cách mạng. (Trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3)
- Biết đọc đúng văn bản kịch: ngắt giọng, thay đổi giọng đọc phù hợp với tính cách của từng nhân vật trong tình huống kịch.
- Giáo dục HS hiểu tấm lòng của người dân Nam bộ đối với cách mạng.
- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, văn học, năng lực ngôn ngữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- GV: tranh minh họa bài đọc trong sách giáo khoa.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

1. HĐ khởi động: (5')

- Cho học sinh tổ chức thi đọc thuộc lòng bài thơ “*Sắc màu em yêu*” và trả lời câu hỏi
 - GV nhận xét
 - Giới thiệu bài - Ghi bảng
- | | |
|--|-------------------------------------|
| | - HS thi đọc bài và trả lời câu hỏi |
| | - HS nghe, ghi vở. |

2. HĐ luyện đọc: (12')

- Gọi HS đọc lời mở đầu
 - Giáo viên đọc diễn cảm đoạn trích kịch. Chú ý thể hiện giọng của các nhân vật.
 - GV chia đoạn.
Đoạn 1: Từ đầu đến ... là con
Đoạn 2:tao bắn
Đoạn 3: còn lại.
 - Cho HS tổ chức đọc nối tiếp từng đoạn lần 1.
 - Gọi 3HS đọc nối tiếp lần 2.
 - Cho HS luyện đọc theo cặp
 - Đọc toàn bài
 - GV đọc mẫu
- | | |
|--|---|
| | - Một học sinh đọc lời mở đầu giới thiệu nhân vật, cảnh trí, thời gian, tình huống diễn ra vở kịch. |
| | - Học sinh theo dõi. |
| | - HS theo dõi |
| | - Học sinh đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó. |
| | - Đọc lần 2 kết hợp giải nghĩa từ |
| | - Học sinh luyện đọc theo cặp. |
| | - 1 HS đọc |
| | - HS nghe. |

3.HĐ tìm hiểu bài: (8')

- Cho HS đọc 3 câu hỏi trong SGK
 - Giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm 4 và trả lời 3 câu hỏi đó, chẳng hạn:
- | | |
|--|-----------------------------|
| | - HS đọc |
| | - Nhóm trưởng điều khiển |
| | - Đại diện các nhóm báo cáo |

- + Chú cán bộ gặp chuyện gì nguy hiểm?
- + Dì Năm đã nghĩ ra cách gì để cứu chú cán bộ?

- + Chú bị bọn giặc rượt đuổi bắt, chạy vào nhà dì Năm.
- + Đưa vội chiếc áo khoác cho chú thay ... Ngồi xuống chõng vờ ăn cơm, làm như chú là chõng.
- Tùy học sinh lựa chọn.

+ Chi tiết nào trong đoạn kịch làm em thích thú nhất? Vì sao?

4. HĐ đọc diễn cảm: (8')

- Giáo viên hướng dẫn một lớp học sinh đọc diễn cảm đoạn kịch theo cách phân vai.
- Thi đọc
- Giáo viên cùng học sinh nhận xét.

- Cả lớp theo dõi
- Học sinh thi đọc diễn cảm toàn bài đoạn kịch.
- HS theo dõi

5. HĐ vận dụng : (2')

- Qua bài này, em học được điều gì từ dì Năm ?
- Suy tầm những câu chuyện về những người dân mưu trí, dũng cảm giúp đỡ cán bộ trong những năm tháng chiến tranh chống Pháp, Mĩ.

- HS nêu
- HS nghe và thực hiện

* **Đối với HSKT:** Biết đọc đúng được 1 đến 2 câu văn ngắn.

Điều chỉnh, bổ sung:.....

TIẾT 2:

CHÍNH TẢ
THƯ GỬI CÁC HỌC SINH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Viết đúng chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi.
- Chép đúng vần của từng tiếng trong hai dòng thơ vào mô hình cấu tạo của vần; biết được cách đặt dấu thanh ở âm chính.
- Bồi dưỡng ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.
- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II- CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (3 phút)

- Cho HS tổ chức trò chơi "Tiếp sức" với nội dung như sau: Cho câu thơ: *Trăm nghìn cánh đẹp, dành cho em ngoan.* Với yêu cầu hãy chép vần của các tiếng có trong câu thơ vào mô hình cấu tạo vần?
- Phân vần của tiếng gồm những bộ phận nào?
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- Giáo viên giới thiệu bài học - Ghi bảng.

- HS chia thành 2 đội chơi, mỗi đội 8 em thi tiếp sức viết vào mô hình trên bảng(mỗi em viết 1 tiếng). Đội nào nhanh hơn và đúng thì đội đó chiến thắng.
- HS trả lời: âm đệm, âm chính, âm cuối.
- HS nghe, ghi vở.

2. HĐ viết chính tả. (25')

a. Chuẩn bị: (5')

**Trao đổi về nội dung đoạn viết*

- Gọi 2 học sinh đọc thuộc lòng đoạn viết.
- Câu nói đó của Bác thể hiện những điều gì?

**Hướng dẫn viết từ khó*

- Đoạn văn có từ nào khó viết?
- Luyện viết từ khó.

b. HD viết bài chính tả. (15')

- GV đọc bài cho HS viết vở.
- Giáo viên nhắc nhở học sinh viết.
- GV đọc lại cho HS soát lỗi.

Lưu ý: Theo dõi tốc độ viết của HS

c. HD chấm và nhận xét bài. (3')

- GV chấm nhanh 5 - 7 bài.
- Nhận xét nhanh về bài làm của HS.

3. HD làm bài tập: (7')

Bài 2:

- Yêu cầu học sinh đọc yêu cầu và mẫu của bài tập
- Yêu cầu học sinh tự làm bài tập
- GV nhận xét

Bài 3:

- Yêu cầu học sinh đọc yêu cầu bài tập
- Dựa vào mô hình cấu tạo vần. Hãy cho biết khi viết dấu thanh được đặt ở đâu?

**KL: Dấu thanh được đặt ở âm chính. Dấu nặng đặt dưới âm chính, các dấu khác đặt ở trên âm chính.*

4.HD vận dụng : (2')

- Phân tích âm đệm, âm chính, âm cuối của các tiếng: *lóa, nghiêng, cười.*
- Học thuộc quy tắc đánh dấu thanh.

** Đối với HSKT: Tập chép đúng chính tả 1 câu văn.*

Điều chỉnh, bổ sung:.....

TIẾT 3:

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN DÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Xếp được từ ngữ cho trước về chủ điểm *Nhân dân* vào nhóm thích hợp (BT1), hiểu nghĩa của từ *đồng bào*, tìm được một số từ bắt đầu bằng tiếng *đồng*, đặt câu với một từ có tiếng *đồng* vừa tìm được(BT3).

** HS M3,4 thuộc được thành ngữ, tục ngữ ở bài tập 2; đặt được câu với các từ tìm được ở bài 3.*

-Vận dụng được kiến thức vào làm các bài tập theo yêu cầu.

- Lốp theo dõi ghi nhớ
- Niềm tin của Người đối với các cháu thiếu nhi - chủ nhân của đất nước.

- *Yếu hèn, kiến thiết, vinh quang.*
- HS viết bảng con các từ khó.

- HS viết bài vào vở.

- HS soát lỗi.

- Lắng nghe

- 1 học sinh đọc, lớp đọc thầm.

- Lớp làm vở, báo cáo kết quả.
- HS nghe.

- 1 em đọc, làm bài cặp đôi, chia sẻ kết quả.

- Dấu thanh được đặt ở âm chính của vần.

- Học sinh nhắc lại.

- HS trả lời

- HS lắng nghe và thực hiện

- Yêu thích môn học, thích tìm thêm từ thuộc chủ điểm.
- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ngôn ngữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Giáo viên: bảng nhóm làm BT1

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (3')

- Cho HS thi đọc đoạn văn miêu tả có dùng những từ miêu tả đã cho viết lại hoàn chỉnh.

- GV nhận xét
- Giới thiệu bài - Ghi bảng

3. HĐ thực hành: 29'

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.
- Giáo viên giải nghĩa từ *tiểu thương*. (Người buôn bán nhỏ)
- Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 2 tự làm bài
- Gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả.
- Giáo viên nhận xét.

- Yêu cầu HS nêu ý nghĩa một số từ.

Bài 3:

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi:

1. Vì sao người Việt Nam ta gọi nhau là đồng bào?

2. Tìm từ bắt đầu bằng tiếng đồng.

- Giáo viên yêu cầu HS làm bảng nhóm

3. Đặt câu với mỗi từ tìm được.

3. HĐ vận dụng: (3')

- Đọc thuộc các câu thành ngữ, tục ngữ ở bài tập 2.

- HS nối tiếp nhau đọc

- HS nghe
- HS ghi vở

- Học sinh đọc yêu cầu bài tập
- HS theo dõi.

- Học sinh thảo luận nhóm 2 cùng làm bài, 1 số nhóm làm vào bảng nhóm.

- Đại diện một vài cặp trình bày bài.

a) Công nhân: thợ điện - thợ cơ khí.

b) Nông dân: thợ cấy - thợ cày.

c) Doanh nhân: tiểu thương, chủ tiệm.

d) Quân nhân: đại úy, trung sĩ.

e) Trí thức: giáo viên, bác sĩ, kỹ sư.

g) Học sinh: HS tiểu học, HS trung học

- 1 học sinh đọc nội dung bài tập

- Học sinh thảo luận nhóm đôi.

- Người Việt Nam ta gọi nhau là đồng bào vì đều sinh ra từ bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ.

- Đồng chí, đồng bào, đồng ca, đồng đội, đồng thanh,

- Học sinh trao đổi với bạn bên cạnh để cùng làm.

- Viết vào vở từ 5 đến 6 từ.

- Học sinh nối tiếp nhau làm bài tập phần 3

+ Cả lớp đồng thanh hát một bài.

+ Cả lớp em hát đồng ca một bài.

- HS nêu

- Suu tầm thêm các câu tục ngữ, thành ngữ nói về phẩm chất tốt đẹp của nhân dân Việt Nam.
- Lắng nghe và thực hiện

* **Đối với HSKT:** Biết đọc, viết 1 đến 2 câu văn ngắn.

* *Điều chỉnh, bổ sung:*.....

TIẾT 4:

KỂ CHUYỆN

KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.
- Kể được câu chuyện (đã chứng kiến, tham gia hoặc được biết qua truyền hình, phim ảnh hay đã nghe, đã đọc) về người có việc làm tốt góp phần xây dựng quê hương đất nước.
- Kể chuyện tự nhiên, chân thật. Chăm chú nghe kể nhận xét đúng.
- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, văn học, ngôn ngữ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

1. HĐ khởi động: (5')

- Cho HS thi kể lại một câu chuyện đã nghe hoặc đã học về các vị anh hùng, danh nhân
- HS kể lại một câu chuyện đã nghe hoặc đã đọc về các anh hùng, danh nhân
- Nhận xét.
- Giới thiệu bài - Ghi bảng.
- HS bình chọn bạn kể hay nhất.
- HS ghi vở

2.HĐ tìm hiểu, lựa chọn chuyện (10')

- Gọi HS đọc đề bài
- Gạch chân từ quan trọng
- 1 HS đọc đề bài
- Gọi HS đọc gợi ý trong SGK
- 3 HS nối tiếp đọc 3 gợi ý ở SGK
- Gọi HS nêu đề tài mình chọn
- Một số HS giới thiệu đề tài mình chọn.
- Y/c HS viết ra nháp dàn ý
- HS viết ra giấy nháp dàn ý
- Kể chuyện có mở đầu, diễn biến, kết thúc

3. HĐ thực hành kể chuyện: (18')

- Tổ chức cho HS thi kể
- HS kể theo cặp
- Nêu suy nghĩ của bản thân về nội dung, ý nghĩa câu chuyện
- Thi kể trước lớp
- Tổ chức bình chọn HS kể hay nhất
- Mỗi em kể xong tự nói suy nghĩ về nhân vật trong câu chuyện hỏi bạn hoặc trả lời câu hỏi của bạn về nội dung ý nghĩa câu chuyện.
- Tuyên dương
- Bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể hay nhất.
- Nhân vật chính trong câu chuyện là ai?
- HS nêu.
- Ý nghĩa câu chuyện ?
- HS nêu.

4. HĐ vận dụng: (2')

- Về nhà kể cho người thân nghe.
- HS nghe và thực hiện
- Xem tranh tập kể câu chuyện *Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai*.

* **Đối với HSKT:** Kể cho người thân nghe 1 đến 2 việc em đã làm được ở lớp.

Điều chỉnh, bổ sung:.....
.....

TIẾT 5:

TẬP ĐỌC **LÒNG DÂN** (tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Hiểu nội dung, ý nghĩa vở kịch: Ca ngợi mẹ con dì Năm dũng cảm, mưu trí lừa giặc cứu cán bộ. (Trả lời được các câu hỏi 1,2,3.)

- Đọc đúng ngữ điệu các câu kể, hỏi, cảm, khiến; biết đọc ngắt giọng, thay đổi giọng đọc phù hợp tính cách nhân vật và tình huống trong đoạn kịch.

* Học sinh (M3,4) biết đọc diễn cảm vở kịch theo vai, thể hiện được tính cách nhân vật.

- Yêu thích đọc sách.

- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, văn học, ngôn ngữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- Giáo viên: tranh minh họa bài đọc trong sách giáo khoa.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (3')

- Cho HS tổ chức thi đọc phân vai lại vở kịch

“ Lòng dân” (Phần 1)

- Nhận xét.

- Giới thiệu bài - Ghi bảng.

2. HĐ luyện đọc: (12')

- GV đọc mẫu

- Giáo viên chia đoạn để luyện đọc.

+ Đoạn 1: *Từ đầu* → *lời chú cán bộ.*

+ Đoạn 2: *Tiếp* → *lời dì Năm.*

+ Đoạn 3: *Phần còn lại.*

- Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm

- Đọc theo cặp

- Đọc toàn bài

- Giáo viên nhận xét

3. HĐ tìm hiểu bài: (10 phút)

- Cho HS đọc nội dung các câu hỏi trong SGK, giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động nhóm 4 để trả lời câu hỏi:

1. An đã làm cho bọn giặc mừng hụt như thế nào?

2. Những chi tiết nào cho thấy dì Năm ứng xử rất thông minh?

- HS thi đọc phân vai

-HS nhận xét, bình chọn các nhóm.

- HS nghe, ghi vở.

- HS theo dõi

- HS theo dõi

- HS đọc lần 1 + Luyện đọc từ khó, câu khó

- HS đọc lần 2 + Giải nghĩa từ

- HS luyện đọc theo cặp

- 1 HS đọc toàn bài

- Học sinh theo dõi

- Nhóm trưởng điều khiển, báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Khi giặc hỏi An: Ông đó phải tía mày không? An trả lời hổng phía tía làm cai hí hửng ... cháu kêu bằng ba, chú hổng phải tía.

- Dì vờ hỏi chú cán bộ để giấy tờ chỗ nào, rồi nói tên, tuổi của chồng, tên bố chồng để chú cán

3. Vì sao vở kịch được đặt tên là “Lòng dân” .

- Kết luận: Bằng sự mưu trí, dũng cảm, mẹ con dì Năm đã lừa được bọn giặc, cứu anh cán bộ.

4. HĐ đọc diễn cảm: (8 phút)

- Giáo viên hướng dẫn 1 tổp học sinh đọc diễn cảm 1 đoạn kịch theo cách phân vai.

- Giáo viên tổ chức cho từng tổp học sinh đọc phân vai.

- Giáo viên và cả lớp nhận xét

5.HĐ vận dụng : (2’)

- Nhắc lại nội dung vở kịch.

- Sau bài học, em có cảm nghĩ gì về tình cảm của những người dân dành cho cách mạng ?

* **Đối với HSKT:** Biết đọc đúng 1 đến 2 câu văn

* *Điều chỉnh, bổ sung:*.....

bộ biết mà nói theo.

- Vì vở kịch thể hiện tấm lòng của người dân với cách mạng. Người dân tin yêu cách mạng sẵn sàng xả thân bảo vệ cán bộ cách mạng trong lòng dân là chỗ dựa vững chắc nhất của cách mạng.

- HS nghe.

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

- 2 cặp HS thi đọc .

- HS nhận xét, bình chọn

- HS nhắc lại

- HS nêu

TIẾT 6:

**TẬP LÀM VĂN
LUYỆN TẬP TẢ CẢNH**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS tìm được những dấu hiệu báo cơn mưa sắp đến, những từ ngữ tả tiếng mưa và hạt mưa, tả cây cối, con vật, bầu trời trong bài *Mưa rào*; từ đó nắm được cách quan sát và chọn lọc chi tiết trong bài văn miêu tả.

- Lập được dàn ý bài văn miêu tả cơn mưa.

- Thích tả cảnh. Giáo dục cho các em biết yêu quý cảnh vật xung quanh. Từ đó giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.

- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, văn học, năng lực ngôn ngữ, thẩm mỹ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (5’)

- Kiểm tra sự chuẩn bị của HS về ghi chép quan sát cơn mưa

- Giới thiệu bài - Ghi bảng

2. HĐ luyện tập, thực hành: (27’)

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Đọc bài mưa rào

- Yêu cầu HS làm bài theo cặp

- GV cùng HS nhận xét. Chốt lại lời giải

- HS thực hiện

- HS nghe

- Học sinh đọc yêu cầu bài tập. Cả lớp theo dõi SGK.

- Cả lớp đọc thầm bài *Mưa rào*.

- Trao đổi cặp đôi trả lời các câu hỏi.

- Mây: nặng, đặc xít, lồm ngồm đầy

+ Câu a: Những dấu hiệu báo cơn mưa sắp đến.

+ Câu b: Những từ tả tiếng mưa và hạt mưa từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc.

+ Câu c: Những từ ngữ chỉ cây cối, con vật, bầu trời trong và sau trận mưa.

+ Câu d: Tác giả đã quan sát cơn mưa bằng những giác quan nào?

Bài 2:

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị của HS.
- Cho HS hoạt động nhóm 4, thảo luận trả lời các câu hỏi:
- + Phần mở bài cần nêu gì ?

- + Cần tả cơn mưa theo trình tự nào?
- + Những cảnh vật nào thường gặp trong mưa?
- + Kết thúc nêu ý gì?

- Yêu cầu HS làm bài
- Trình bày kết quả
- Giáo viên nhận xét bổ sung.
- Yêu cầu HS dưới lớp trình bày
- Giáo viên chấm những dàn ý tốt

4.HĐ vận dụng : (3')

- Nhắc lại cấu tạo của bài văn tả cảnh.
- Về nhà hoàn chỉnh dàn ý bài văn tả cơn mưa.

trời, tản ra từng năm nhỏ....

- Gió: thổi giật, đổi mát lạnh...

- Lúc đầu: lẹt đẹt, lách tách, về sau mưa ù xuống...

- Hạt mưa: những giọt nước lăn xuống....

- Trong mưa: lá đào, na, là sỏi vẩy run rẩy.

- Con gà trống ướt lướt thướt, ngật ngưỡng tìm chỗ trú.

+ Sau trận mưa: ...

- Bằng mắt, tai mũi, cảm giác của làn

- Một học sinh đọc yêu cầu bài tập

- HS chuẩn bị

- Nhóm trưởng điều khiển nhóm TLCH.

- Giới thiệu địa điểm quan sát cơn mưa hay dấu hiệu báo mưa sắp đến

- Thời gian, miêu tả từng cảnh vật trong mưa.

- Mây, gió, bầu trời, mưa, con vật, cây cối, con người, chim muông.

- Cảm xúc của mình hoặc cảnh vật tươi sáng sau cơn mưa.

- Mỗi HS tự lập dàn ý vào vở, 2 HS làm bảng nhóm.

- HS làm bài bảng nhóm, trình bày

- Học sinh sửa lại dàn bài của mình.

- HS nối tiếp nhau trình bày.

- HS nhắc lại

- Lắng nghe và thực hiện

* **Đối với HSKT:** Biết nói 1 đến 2 câu về mẹ của mình.

* *Điều chỉnh, bổ sung:*.....

TIẾT 7:

LUYỆN TỪ VÀ CÂU LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Biết sử dụng đúng từ đồng nghĩa một cách thích hợp (BT1). Hiểu ý nghĩa chung của một số tục ngữ (BT2).

- Dựa theo ý 1 khổ thơ trong bài *Sắc màu em yêu*, viết được đoạn văn miêu tả sự vật có sử dụng 1, 2 từ đồng nghĩa (BT3). Học sinh (M3,4) biết dùng nhiều từ đồng nghĩa

trong đoạn văn viết theo BT3. Viết được đoạn văn miêu tả sự vật có sử dụng 1, 2 từ đồng nghĩa.

- Thích tìm nhiều từ đồng nghĩa.

- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ngôn ngữ.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (5')

- Gọi học sinh làm lại bài 2, 4.

- Giáo viên giới thiệu bài học hôm nay.

2. HĐ luyện tập, thực hành (27')

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp, giáo viên đánh số thứ tự vào các ô trống.

- Giáo viên nhận xét lời giải đúng

- Yêu cầu HS đọc lại đoạn văn

- Các từ: xách, đeo, khiêng, kẹp, vác cùng có nghĩa chung là gì?

- Tại sao không nói: Bạn Lê vác trên vai chiếc ba lô con cóc?

Bài 2:

- Gọi học sinh đọc yêu cầu.

- Chia nhóm 4 học sinh thảo luận và làm bài. (“cội” là “gốc”)

- Gọi nhóm trình bày.

- Yêu cầu học sinh đọc thuộc lòng các câu tục ngữ.

- Giáo viên nhận xét.

Bài 3:

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Yêu cầu học sinh đọc thuộc lòng đoạn thơ “Sắc màu em yêu”.

- Em chọn khổ thơ nào để miêu tả khổ thơ có màu sắc và sự vật nào?

- Tìm từ đồng nghĩa của màu xanh?

- Chọn các sự vật ứng với mỗi màu sắc để viết một đoạn văn miêu tả?

- Yêu cầu học sinh viết bài.

- Trình bày kết quả

- Giáo viên nhận xét, sửa chữa lỗi câu từ.

- HS nối tiếp nhau nói.

- Học sinh đọc bài tập.

- Học sinh thảo luận nhóm đôi làm bài.

- 3 học sinh làm bảng nhóm

- 2 học sinh đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh

- Mang một vật nào đó đến nơi khác (vị trí khác).

- Ví: *đeo* là mang một vật nào đó kiểu dễ tháo cởi, *vác* nghĩa là chuyển vật nặng hoặc công kênh bằng cách đặt lên vai. Chiếc ba lô con cóc nhẹ nên dùng từ *đeo* là phù hợp.

- 2HS đọc - Cả lớp theo dõi

- Học sinh thảo luận chọn 1 ý giải thích đúng ý nghĩa chung của cả 3 câu tục ngữ.

- Nghĩa chung: gắn bó với quê hương là tình cảm tự nhiên.

- Học sinh đọc thuộc cả 3 câu.

- Học sinh đọc yêu cầu bài tập

- 8 học sinh đọc nối tiếp thuộc lòng.

- Em thích khổ thơ 2. Ở đây có rất nhiều sự vật màu xanh: cánh đồng, rừng núi, nước biển, bầu trời.

- *xanh mượt, xanh non, xanh rì, xanh mát, xanh thẫm.*

- 2 HS viết vào bảng nhóm, cả lớp viết vào vở.

- Thiên nhiên có muôn màu, muôn sắc nhưng em thích nhất là màu xanh. Bởi màu xanh là màu của hoà bình, màu của sự sống. Cánh đồng lúa đang thì con gái xanh

mượt, luống rau mẹ trồng xanh non
trông thật ngon mắt. Con mương
dẫn dòng nước xanh mát vào tưới
cho đồng ruộng. Lũy tre xanh rì bao
bọc lũy làng xóm quê hương. Xa
xa, dãy núi xanh thẳm. Cảnh vật
quê hương thật thanh bình.

4.HĐ vận dụng : (3')

- Viết lại đoạn văn bài tập 3.
 - Vận dụng kiến thức về từ đồng nghĩa để nói và viết cho phù hợp.
- Lắng nghe và thực hiện.
 - Lắng nghe và thực hiện

* **Đối với HSKT:** Tập chép đúng chính tả 1 câu văn.

* *Điều chỉnh, bổ sung:*.....

TIẾT 8:

TẬP LÀM VĂN LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Nắm được ý chính của 4 đoạn văn và chọn một đoạn để hoàn chỉnh theo yêu cầu của bài tập 1.

- Dựa vào dàn ý bài văn miêu tả cơn mưa đã lập trong tiết trước viết một đoạn văn có chi tiết và hình ảnh hợp lí (BT2).

* HS (M3,4) biết hoàn chỉnh các bài văn ở bài tập 1 và chuyển một phần dàn ý thành đoạn văn miêu tả khá sinh động.

* GD BVMT: Khai thác trực tiếp nội dung bài: Ngữ liệu dùng để Luyện tập (Mưa rào) có nội dung giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, có tác dụng giáo dục BVMT.

- Giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, giáo dục bảo vệ môi trường.

- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC: Bảng nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (5')

- Cho HS thi trình bày dàn ý của bài văn miêu tả một cơn mưa.
 - GV nhận xét
 - Giới thiệu bài - Ghi bảng.
- HS trình bày
 - HS theo dõi
 - HS ghi vở

2. HĐ luyện tập: 25'

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.
 - Đề văn mà Quỳnh Liên làm gì?
 - Yêu cầu học sinh thảo luận để xác định nội dung chính của mỗi đoạn?
 - Yêu cầu học sinh phát biểu ý kiến.
- 1 HS đọc yêu cầu
 - 5 HS đọc nối tiếp từng đoạn văn sgk.
 - Tả quang cảnh sau cơn mưa.
 - Học sinh trao đổi nhóm đôi.
 - Các nhóm nối tiếp nhau phát biểu.

- Em có thể viết thêm gì vào đoạn văn của bạn Quỳnh Liên?

+ Đoạn 1: Giới thiệu cơn mưa rào, ào ào, tới rồi tạnh ngay.

+ Đoạn 2: Ánh nắng và con vật sau cơn mưa.

+ Đoạn 3: Cay cối sau cơn mưa.

+ Đoạn 4: Đường phố và con người sau cơn mưa.

- Đoạn 1: viết thêm câu tả cơn mưa.

- Đoạn 2: viết thêm các chi tiết miêu tả chị gà mái tơ, đàn gà con, ...sau cơn mưa.

- Đoạn 3: viết thêm câu văn miêu tả một số cây, hoa sau cơn mưa.

- Đoạn 4: viết thêm câu tả hoạt động của con người trên đường phố.

- 4 em viết bảng nhóm, lớp làm vở

- 4 học sinh đọc đoạn văn.

- Lớp nhận xét bổ sung ý kiến

- Yêu cầu học sinh tự làm bài.

- Yêu cầu 4 em lên bảng và đọc đoạn văn.

- Giáo viên nhận xét sửa chữa.

- Nhận xét, khen ngợi HS viết tốt.

Bài 2:

- Gọi học sinh đọc yêu cầu

- Em chọn đoạn văn nào để viết ?

- Yêu cầu học sinh tự làm bài

- Giáo viên gợi ý: đọc lại dàn ý bài văn tả cơn mưa mình đã lập để viết.

- Yêu cầu học sinh trình bày bài.

- Giáo viên nhận xét, sửa chữa.

- Học sinh đọc yêu cầu của bài.

- Học sinh nối tiếp nhau ý kiến.

- 2 HS viết bảng nhóm, HS viết vào vở.

- 5-7 em đọc bài viết của mình.

- HS nghe, nhận xét.

3.HĐ vận dụng : (5')

- Nhắc lại nội dung tiết học, vận dụng kiến thức vào viết văn.

- Dặn HS về nhà thực hành viết đoạn văn miêu tả và chuẩn bị bài học sau.

- HS nêu

- Lắng nghe và thực hiện

* **Đối với HSKT:** Biết nói 1 câu về bạn ngồi cạnh mình

* *Điều chỉnh, bổ sung:*.....

TIẾT 9:

TIẾNG VIỆT⁺

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Ôn tập, củng cố kiến thức đã học về từ đồng nghĩa.

- Học sinh làm được bài tập theo yêu cầu.

- Học sinh có ý thức sử dụng đúng từ đồng nghĩa.

- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

HĐ1: Khởi động. 5'

- Nêu khái niệm về từ đồng nghĩa.
- Nêu ví dụ về từ đồng nghĩa.
- Nêu chú ý khi sử dụng từ đồng nghĩa.
- GV chốt KT

HD2: Thực hành. 27'

Bài 1: Chọn từ đúng nhất trong ngoặc điền vào chỗ trống:

a, Thế hệ mai sau sẽ được hưởng những.....(thành quả, kết quả, thành tích) của hôm nay.

b, Anh đã chiến đấu.....(ngoan cường, ngoan cố, quật cường) cho đến giờ phút cuối cùng.

c, Lao động là.....(nghĩa vụ, nhiệm vụ, trách nhiệm) thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi người.

- GV gọi HS nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng

Bài 2: Xếp các từ sau thành hai nhóm TĐN hoàn toàn có thể thay thế cho nhau trong lời nói:

Im lặng, vắng vẻ, yên tĩnh, im ắng, vắng ngắt, tĩnh mịch, vắng tanh, vắng lặng, yên lặng, vắng tênh.

- Gv gọi HS nhận xét.

-> GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

-> CC xếp TĐN vào nhóm thích hợp.

Bài 3: Gạch chân dưới TĐN trong đoạn thơ.

Nêu tác dụng của TĐN trong phần a.

a, Minh về với Bác đường xuôi
Thưa dùm Việt Bắc không ngời nhớ Người

Nhớ ông cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường

b. Hoan hô anh giải phóng quân!

Kính chào Anh, con người đẹp nhất
Lịch sự hôn Anh, chàng trai chân đất
Sống hiên ngang, bất khuất trên đời
Như Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi
(*Tố Hữu*)

- GV gọi HS nhận xét

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

3. HD vận dụng: 3'

- HS trả lời.

- Lớp nhận xét, bổ sung.

HS nghe

- HS đọc, xác định YC.

- Chọn từ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống.

- HS làm bài vào vở. 3 HS lên bảng

a. thành quả

b. ngoan cường

c. nghĩa vụ

- HS nhận xét, bổ sung.

- HS nghe.

HD cá nhân.

HS nêu yêu cầu.

- HS làm bài vào vở.

1HS lên bảng làm

N1: im lặng, yên tĩnh, im ắng, tĩnh mịch, yên lặng

N2: vắng vẻ, vắng ngắt, vắng tanh, vắng lặng, vắng tênh.

- HS nhận xét.

- HS nghe

HD cá nhân

- HS đọc, xác định YC.

- HS làm bài vào vở. 2 HS lên bảng làm:

a, Các TĐN: *Bác, Người, ông cụ*

Tác dụng: Dùng ba từ một lúc để gọi Bác Hồ cho thấy nhiều điều: gọi *Bác* thân thiết gần gũi như người ruột thịt, gọi *Người* cho thấy sự suy tôn, kính trọng Bác, gọi *ông cụ* cho thấy sự giản dị.

b, Các TĐN: *anh giải phóng quân, con người đẹp nhất, chàng trai chân đất, Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi.*

- HS nhận xét.

- HS nghe.

- HS tìm thêm các cặp từ đồng nghĩa
- Nhận xét tiết học, dặn HS về nhà xem lại bài.
- * **Đôi với HSKT:** Biết nói 1 câu về bạn ngồi cạnh mình
- * *Điều chỉnh, bổ sung:*.....

TIẾT 10:

TIẾNG VIỆT⁺
LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Biết viết đoạn văn tả cảnh và trình bày theo dàn ý những điều đã quan sát.
- Có kĩ năng quan sát, chọn lọc chi tiết trong 1 bài văn tả cảnh
- Giáo dục thói quen quan sát cảnh vật xung quanh.
- HS phát triển các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ngôn ngữ, văn học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Khởi động(5)

- Nêu câu tạo bài văn tả cảnh.
- Nhận xét đánh giá.

2. Luyện tập (32')

HD1. Giới thiệu bài (1')

HD2. Luyện tập (31')

MT: Thông qua việc làm các bài tập rèn KN tìm và xếp ý hợp lí, viết được đoạn văn tả cảnh.

Bài 1: Khi luyện tập tả cảnh với đề bài “ Lập dàn ý bài văn tả cảnh một buổi sáng trên cánh đồng (hay trong công viên). Bạn Linh đã nghĩ ra một số ý, chọn được một số bộ phận của cả hai cảnh vật để tả như:

- Giới thiệu bao quát cảnh công viên vào lúc tảng sáng.
- Giới thiệu bao quát cảnh cánh đồng lúa vào lúc bình minh.
- Những hạt sương còn đọng long lanh trên những ngọn lúa.
- Những làn gió mát từ mặt hồ đưa lên.
- Mặt trời từ từ nhô lên sau dãy núi, cố ngoi lên khỏi lũy tre đầu làng.
- Con đường lát đá vào công viên sạch sẽ, cây cối hai bên đường mới mẻ, tinh khôi.
- Không khí buổi sớm trong lành mát mẻ.
- Những hàng lúa xanh rì rào trước gió.
- Tiếng chim hót ríu rít.
- Xa xa, lác đác mấy bác nông dân đi thăm đồng.
- Em rất thích công viên vào những buổi sớm mai.
- Mùi thơm dịu ngọt của lúa mới trổ bông thoang thoảng đưa lên.
- Thỉnh thoảng một vài con sẻ bay vụt lên từ ruộng lúa.
- Các khu vui chơi trong công viên vắng lặng
- Người đi tập thể dục càng lúc càng đông hơn.
- Em rất thích ngắm đồng lúa vào buổi bình minh.

- HS nêu.

Em hãy giúp bạn Linh chọn một trong hai cảnh, sắp xếp lại các ý của mỗi cảnh để có được một dàn ý theo đề bài trên.

Bài 2. Viết đoạn văn tả cảnh theo dàn ý em vừa chọn.

- GV cho HS viết – GV quan sát – GV nhận xét đánh giá bài cho HS.

Tổ chức cho HS đọc bài

- Tuyên dương HS có đoạn văn hay.

- GV chốt.

3. Vận dụng, mở rộng(3')

- Khi viết đoạn văn em cần lưu ý gì?

- Nhận xét giờ học.

* **Đối với HSKT:** Biết nói 1 câu về cô giáo mình

* *Điều chỉnh, bổ sung:*.....
.....

- HS nêu ý kiến.

- HS viết bài.

- HS nhận xét.

- HS làm bài cá nhân.

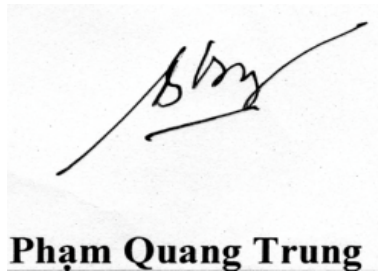
- Nói nhau đọc bài. Nhận xét.

BGH KÍ DUYỆT

TỔ CHUYÊN MÔN KIỂM TRA



Nguyễn Thị Thùy



Phạm Quang Trung